

ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)

MÔN: TOÁN, GD CD 12

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	TOÁN			GD CD		
				ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai	ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai
1	Huỳnh Anh	12A1.01	120386	5.8	29	21	4.8	19	21
2	Văn Thái Bình	12A1.02	120121	9.0	45	5	7.3	29	11
3	Kha Thị Thùy Duyên	12A1.03	120433	6.0	30	20	5.3	21	19
4	Trần Thị Thùy Dương	12A1.04	120314	6.6	33	17	8.3	33	7
5	Mai Lê Hồng Đào	12A1.05	120099	9.2	46	4	9.8	39	1
6	Trần Nguyễn Thanh Đạt	12A1.06	120317	7.2	36	14	7.3	29	11
7	Đoàn Phạm Ngọc Hân	12A1.07	120363	7.6	38	12	8.3	33	7
8	Lê Ngọc Thúy Hiền	12A1.08	120174	7.4	37	13	7.5	30	10
9	Phan Minh Hoàng	12A1.09	120340	6.6	33	17	7.5	30	10
10	Đoàn Nhựt Huy	12A1.10	120364	4.6	23	27	7.0	28	12
11	Phan Nhật Hưng	12A1.11	120292	7.8	39	11	8.8	35	5
12	Lê Tuấn Khanh	12A1.12	120341	8.2	41	9	8.0	32	8
13	Nguyễn Đăng Khoa	12A1.13	120202	6.2	31	19	8.8	35	5
14	Phan Thị Thanh Kiều	12A1.14	120227	8.8	44	6	8.0	32	8
15	Trần Hoàng Gia Lạc	12A1.15	120416	6.4	32	18	9.0	36	4
16	Phạm Thị Tuyết Lan	12A1.16	120294	8.0	40	10	8.3	33	7
17	Hồ Lê Bảo Long	12A1.17	120321	6.0	30	20	8.5	34	6
18	Nguyễn Lê Trúc My	12A1.18	120132	7.8	39	11	8.8	35	5
19	Lê Võ Thanh Ngân	12A1.19	120326	5.6	28	22	2.3	9	31
20	Phạm Nguyễn Trọng Nghĩa	12A1.20	120559	5.4	27	23	8.3	33	7
21	Nguyễn Thành Nhân	12A1.21	120229	8.0	40	10	8.8	35	5
22	Hoàng Mỹ Nhi	12A1.22	120230	7.6	38	12	7.8	31	9
23	Đào Huỳnh Vân Nhi	12A1.23	120422	4.6	23	27	7.8	31	9
24	Võ Thị Hồng Nhung	12A1.24	120396	5.0	25	25	6.3	25	15
25	Lê Thanh Phong	12A1.25	120374	7.6	38	12	7.5	30	10
26	Trần Huỳnh Hữu Phúc	12A1.26	120452	6.0	30	20	4.8	19	21
27	Vương Huỳnh Ngọc Quý	12A1.27	120156	8.8	44	6	7.8	31	9
28	Võ Ngọc Tú Quyên	12A1.28	120565	5.6	28	22	5.3	21	19
29	Đoàn Ngọc Thanh	12A1.29	120470	7.2	36	14	7.0	28	12
30	Lại Minh Thông	12A1.30	120210	8.2	41	9	8.8	35	5
31	Lê Thị Hồng Thủy	12A1.31	120160	9.2	46	4	8.0	32	8
32	Hàn Ngọc Minh Thư	12A1.32	120567	5.2	26	23	6.8	27	13
33	Lưu Sĩ Tính	12A1.33	120189	8.4	42	8	8.5	34	6
34	Lê Ngọc Quế Trân	12A1.34	120591	5.2	26	24	6.5	26	14
35	Trần Trang Tuyết Trinh	12A1.35	120335	7.8	39	11	8.5	34	6
36	Nguyễn Thị Thu Trúc	12A1.36	120167	8.4	42	8	8.8	35	5
37	Lê Minh Trung	12A1.37	120524	5.6	28	22	7.0	28	12
38	Nguyễn Văn Tùng	12A1.38	120381	6.8	34	16	7.8	31	9
39	Nguyễn Quốc Vinh	12A1.39	120570	6.0	30	20	7.0	28	11
40	Lê Ngọc Lan Vy	12A1.40	120192	8.2	41	9	9.3	37	3
41	Nguyễn Ngọc Yến Vy	12A1.41	120358	8.4	42	8	8.8	35	5

ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)

MÔN: TOÁN, GD CD 12

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	TOÁN			GD CD		
				ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai	ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai
1	Đỗ Ngọc Thúy An	12A2.01	120194	7.0	35	15	6.5	26	14
2	Nguyễn Thị Vân Anh	12A2.02	120074	7.6	38	12	7.5	30	10
3	Nguyễn Văn Quốc Chánh	12A2.03	120075	8.4	42	8	6.8	27	13
4	Nguyễn Thùy Dương	12A2.04	120171	8.4	42	8	8.3	33	7
5	Sử Võ Thành Đạt	12A2.05	120245	5.6	28	21	6.0	24	14
6	Nguyễn Ngọc Bảo Đăng	12A2.06	120482	6.6	33	17	8.0	32	8
7	Trần Minh Đăng	12A2.07	120435	7.8	39	11	6.5	26	14
8	Võ Tô Ngọc Hân	12A2.08	120031	7.8	39	11	8.8	35	5
9	Nguyễn Trung Hiếu	12A2.09	120438	5.0	25	25	7.0	28	12
10	Nguyễn Huy Hoàng	12A2.10	120248	7.0	35	15	6.3	25	15
11	Đỗ Tiến Hùng	12A2.11	120146	7.0	35	15	6.5	26	14
12	Huỳnh Nhật Huy	12A2.12	120507	6.4	32	18	8.8	35	5
13	Phạm Gia Hưng	12A2.13	120224	6.8	34	16	6.3	25	15
14	Nguyễn Lê Thiên Kim	12A2.14	120130	9.2	46	3	7.0	28	12
15	Đặng Thế Linh	12A2.15	120204	5.6	28	22	6.8	27	13
16	Nguyễn Bảo Ngân	12A2.16	120037	8.2	41	9	6.3	25	15
17	Nguyễn Kim Bảo Ngọc	12A2.17	120149	6.0	30	20	6.8	27	13
18	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	12A2.18	120039	9.0	45	5	7.5	30	9
19	Nguyễn Thiện Nhân	12A2.19	120007	7.8	39	10	8.8	35	5
20	Bùi Thị Yến Nhi	12A2.20	120083	8.4	42	8	8.8	35	5
21	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12A2.21	120423	6.6	33	15	6.5	26	14
22	Ngô Thanh Phong	12A2.22	120515	7.4	37	13	8.0	32	8
23	Trang Mỹ Phụng	12A2.23	120375	5.8	29	21	8.0	32	8
24	Trương Minh Quan	12A2.24	120206	7.8	39	11	9.0	36	4
25	Lê Trần Kiến Quốc	12A2.25	120207	6.6	33	17	8.3	33	7
26	Nguyễn Thanh Sang	12A2.26	120111	7.4	37	13	8.3	33	7
27	Trần Quốc Thái	12A2.27	120012	7.8	39	11	7.3	29	11
28	Nguyễn Ngọc Kim Thảo	12A2.28	120013	7.6	38	12	9.5	38	2
29	Huỳnh Quốc Thắng	12A2.29	120260	4.6	23	27	8.8	35	5
30	Ngô Nguyễn Xuân Thịnh	12A2.30	120354	6.6	33	17	9.3	37	3
31	Hoàng Xuân Thông	12A2.31	120261	4.8	24	26	7.3	29	11
32	Nguyễn Thị Minh Thu	12A2.32	120355	4.6	23	27	2.5	10	30
33	Nguyễn Cẩm Tiên	12A2.33	120140	9.2	46	4	7.3	29	11
34	Nguyễn Bảo Toàn	12A2.34	120237	6.4	32	18	8.3	33	7
35	Trần Nguyễn Phương Trang	12A2.35	120305	7.0	35	15	8.3	33	7
36	Lê Thị Ngọc Trâm	12A2.36	120165	6.0	30	20	8.0	32	8
37	Trương Thị Ngọc Trinh	12A2.37	120019	9.4	47	3	9.0	36	4
38	Võ Hoàng Đức Trọng	12A2.38	120239	7.8	39	11	8.3	33	7
39	Nguyễn Quốc Trung	12A2.39	120118	8.2	41	9	6.5	26	14
40	Lê Phương Tùng	12A2.40	120068	7.0	35	15	8.3	33	7
41	Phạm Thành Vinh	12A2.41	120044	8.4	42	8	7.3	29	11
42	Nguyễn Cao Mỹ Vy	12A2.42	120069	7.2	36	14	7.8	31	9
43	Phan Ngọc Như Ý	12A2.43	120024	8.2	41	9	8.3	33	7

ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)

MÔN: TOÁN, GD CD 12

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	TOÁN			GD CD		
				ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai	ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai
1	Nguyễn Hoàng Anh	12A3.01	120049	9.4	47	3	9.8	39	1
2	Nguyễn Thùy Vân Anh	12A3.02	120289	9.4	47	3	9.3	37	3
3	Trần Bảo Ân	12A3.03	120196	7.6	38	12	7.8	31	9
4	Lê Khắc Chiến	12A3.04	120217	8.8	44	6	7.8	31	9
5	Nguyễn Trần Thụy Du	12A3.05	120050	9.8	49	1	8.8	35	5
6	Trần Thụy Ngọc Dung	12A3.06	120218	8.2	41	9	7.8	31	9
7	Nguyễn Bảo Duy	12A3.07	120098	9.2	46	4	8.3	33	7
8	Nguyễn Ngọc Hà	12A3.08	120100	8.8	44	6	9.0	36	4
9	Lương Ngọc Hân	12A3.09	120053	9.0	45	5	9.8	39	1
10	Nguyễn Đình Hoàng	12A3.10	120033	9.6	48	2	8.3	33	7
11	Cao Công Huy	12A3.11	120126	9.0	45	5	9.5	38	2
12	Hồ Phú Hưng	12A3.12	120128	9.2	46	4	8.0	32	8
13	Lê Huỳnh Hương	12A3.13	120225	6.4	32	18	7.0	28	12
14	Đinh Hoàng Minh Khang	12A3.14	120226	9.4	47	3	7.5	30	10
15	Nguyễn Hoàng Minh Khôi	12A3.15	120578	5.4	27	23	7.8	31	9
16	Phạm Gia Linh	12A3.16	120148	8.8	44	6	9.0	36	4
17	Lương Thế Long	12A3.17	120251	6.2	31	19	8.5	34	6
18	Lưu Ngọc Mai	12A3.18	120080	9.6	48	2	9.8	39	1
19	Vũ Lê Anh Minh	12A3.19	120345	7.0	35	15	7.5	30	10
20	Võ Linh Nam	12A3.20	120005	9.8	49	1	9.5	38	2
21	Nguyễn Bùi Thanh Ngân	12A3.21	120038	7.6	38	12	8.5	34	6
22	Trang Thanh Ngân	12A3.22	120254	5.0	25	24	8.3	33	7
23	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	12A3.23	120105	9.4	47	3	10.0	40	0
24	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	12A3.24	120135	9.0	45	5	9.3	37	3
25	Nguyễn Thị Thanh Nhi	12A3.25	120136	8.2	41	9	9.0	36	4
26	Lê Hoàng Như	12A3.26	120107	8.8	44	6	9.3	37	3
27	Lê Thị Kim Oanh	12A3.27	120137	9.6	48	2	9.3	37	3
28	Nguyễn Duy Quang	12A3.28	120328	7.4	37	13	8.3	33	7
29	Tôn Nữ Thúy Quỳnh	12A3.29	120235	5.6	28	22	8.8	35	5
30	Đặng Minh Sang	12A3.30	120085	8.0	40	10	9.5	38	2
31	Trương Minh Tâm	12A3.31	120208	7.2	36	14	8.0	32	8
32	Lê Võ Thanh Thảo	12A3.32	120113	9.6	48	2	8.5	34	6
33	Đông Thị Hồng Thắm	12A3.33	120114	9.6	48	2	9.8	39	1
34	Đoàn Thị Mai Thi	12A3.34	120062	9.4	47	3	9.3	37	3
35	Nguyễn Ngọc Hồng Thụy	12A3.35	120088	9.6	48	2	8.8	35	5
36	Ngô Thị Anh Thư	12A3.36	120089	9.4	47	3	9.0	36	4
37	Nguyễn Đoàn Minh Thư	12A3.37	120015	9.6	48	2	9.5	38	2
38	Lại Minh Tiến	12A3.38	120188	8.8	44	6	7.8	31	9
39	Trần Huỳnh Thái Toàn	12A3.39	120164	9.6	48	2	8.8	35	5
40	Huỳnh Ngọc Trâm	12A3.40	120306	5.8	29	21	9.0	36	4
41	Nguyễn Quách Ngọc Trâm	12A3.41	120066	9.6	48	2	9.0	36	4
42	Hứa Thị Ngọc Trân	12A3.42	120095	9.0	45	5	6.8	27	13
43	Nguyễn Bảo Thụy Vi	12A3.43	120022	9.8	49	1	9.8	39	1
44	Nguyễn Quốc Việt	12A3.44	120143	7.8	39	11	9.0	36	4
45	Đào Nguyễn Tường Vy	12A3.45	120047	9.6	48	2	9.3	37	3

ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)

MÔN: TOÁN, GD CD 12

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	TOÁN			GD CD		
				ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai	ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai
1	Võ Thị Hồng Ánh	12A4.01	120026	7.2	36	14	8.8	35	5
2	Võ Quốc Bửu	12A4.02	120027	8.8	44	6	8.8	35	5
3	Trương Thanh Duy	12A4.03	120077	9.4	47	3	8.3	33	7
4	Nguyễn Trường Duy	12A4.04	120028	8.2	41	9	8.5	34	6
5	Nguyễn Minh Đức	12A4.05	120319	4.2	21	29	8.3	33	7
6	Huỳnh Gia Hân	12A4.06	120002	9.0	45	5	9.3	37	3
7	Phạm Đỗ Minh Huân	12A4.07	120102	8.8	44	6	9.0	36	4
8	Đoàn Hoàng Huy	12A4.08	120127	8.4	42	8	9.3	37	3
9	Nguyễn Võ Xuân Huỳnh	12A4.09	120034	9.0	45	5	8.5	34	6
10	Phạm Thị Diễm Hương	12A4.10	120078	9.4	47	3	8.3	33	7
11	Nguyễn Thị Thanh Hương	12A4.11	120179	6.8	34	16	8.0	32	8
12	Nguyễn Duy Khang	12A4.12	120004	9.8	49	1	9.5	38	2
13	Võ Nguyễn Minh Kiệt	12A4.13	120056	9.4	47	3	8.3	33	7
14	Nguyễn Hoàng Lâm	12A4.14	120131	6.6	33	16	8.8	35	5
15	Trần Huệ Mẫn	12A4.15	120324	7.0	35	15	8.3	33	7
16	Lưu Thị Bảo Ngọc	12A4.16	120150	7.2	36	14	7.0	28	12
17	Nguyễn Thị Ái Nhi	12A4.17	120082	8.8	44	6	7.8	31	9
18	Đặng Thị Minh Như	12A4.18	120009	9.8	49	1	8.5	34	6
19	Nguyễn Anh Quốc	12A4.20	120184	8.6	43	7	6.3	25	15
20	Đoàn Trần Ngọc Quyên	12A4.21	120110	9.8	49	1	9.0	36	4
21	Huỳnh Ngọc Phương Quyên	12A4.22	120059	9.0	45	5	9.3	37	3
22	Hồ Kim Sen	12A4.23	120060	9.2	46	4	9.3	37	3
23	Nguyễn Hoài Phương Thảo	12A4.24	120061	9.2	46	4	10.0	40	0
24	Ngô Thị Hồng Thẩm	12A4.25	120014	9.6	48	2	9.5	38	2
25	Nguyễn Minh Thiện	12A4.26	120086	9.6	48	2	9.3	37	3
26	Tô Thị Anh Thư	12A4.27	120090	9.0	45	5	9.5	38	2
27	Trần Mỹ Tiên	12A4.28	120042	9.0	45	5	9.0	36	4
28	Trần Ngọc Toại	12A4.29	120304	7.6	38	12	7.8	31	9
29	Trần Thị Thanh Trà	12A4.30	120017	9.0	45	5	9.5	38	2
30	Huỳnh Lê Ngọc Trâm	12A4.31	120093	8.6	43	7	8.5	34	6
31	Phạm Ngọc Trâm	12A4.32	120043	8.8	44	6	9.0	36	4
32	Trần Mỹ Trân	12A4.33	120094	9.4	47	3	9.3	37	3
33	Nguyễn Minh Triết	12A4.34	120117	7.8	39	11	9.3	37	3
34	Ngô Thanh Trúc	12A4.35	120067	8.2	41	9	9.5	38	2
35	Võ Minh Trường	12A4.36	120308	7.4	37	11	8.3	33	6
36	Huỳnh Thảo Uyên	12A4.37	120020	9.2	46	4	9.8	39	1
37	Lê Thị Thùy Vân	12A4.38	120310	9.6	48	2	9.3	37	3
38	Võ Ngọc Tường Vi	12A4.39	120023	9.6	48	2	9.3	37	3
39	Phạm Thảo Vy	12A4.40	120046	9.4	47	3	8.8	35	5
40	Hồ Thị Tường Vy	12A4.41	120071	9.2	46	4	9.8	39	1
41	Phan Ngọc Bảo Yến	12A4.42	120072	9.4	47	3	9.3	37	3

ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)

MÔN: TOÁN, GD CD 12

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	TOÁN			GD CD		
				ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai	ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai
1	Bùi Thị Khương An	12A5.01	120193	9.6	48	2	8.8	35	5
2	Đoàn Mai Anh	12A5.02	120073	9.2	46	4	10.0	40	0
3	Ngô Thị Ngọc Ánh	12A5.03	120290	9.0	45	5	9.8	39	1
4	Phạm Hoàng Mỹ Duyên	12A5.04	120051	9.6	48	2	9.5	38	2
5	Đoàn Minh Đức	12A5.05	120318	9.0	45	5	9.0	36	4
6	Phạm Lê Gia Hân	12A5.06	120030	9.6	48	2	9.3	37	3
7	Lê Gia Huy	12A5.07	120054	9.6	48	2	9.5	38	2
8	Nguyễn Hoàng Huy	12A5.08	120575	5.6	28	22	7.0	28	12
9	Nguyễn Thị Diễm Hương	12A5.09	120003	9.2	46	4	10.0	40	0
10	Đinh Công Khải	12A5.10	120320	8.6	43	7	9.0	36	4
11	Nguyễn Ngọc Loan	12A5.11	120342	7.8	39	11	9.3	37	3
12	Mai Thị Trúc Loan	12A5.12	120343	6.6	33	17	9.0	36	4
13	Trần Huỳnh Đức Luân	12A5.13	120322	8.0	40	10	8.3	33	7
14	Trần Thị Xuân Mai	12A5.14	120323	8.4	42	8	9.3	37	3
15	Lê Trương Hiếu Minh	12A5.15	120346	7.6	38	12	8.3	33	7
16	Trương Nguyễn Trà My	12A5.16	120057	9.4	47	3	9.0	36	4
17	Võ Hoàng Nam	12A5.17	120421	8.4	42	8	8.0	32	8
18	Võ Thị Bích Ngọc	12A5.18	120205	8.0	40	10	9.0	36	4
19	Tăng Ngọc Thảo Nhi	12A5.19	120231	9.0	45	5	8.8	35	5
20	Hồ Thị Huỳnh Như	12A5.20	120008	9.4	47	3	10.0	40	0
21	Nguyễn Phong Phú	12A5.21	120327	8.8	44	6	9.8	39	1
22	Trần Mai Phương	12A5.22	120297	9.8	49	1	9.0	36	4
23	Nguyễn Thị Như Quỳnh	12A5.23	120300	7.6	38	12	8.5	34	6
24	Trần Phát Tài	12A5.24	120330	7.6	38	12	9.5	38	2
25	Phạm Huỳnh Thanh Tâm	12A5.25	120040	9.4	47	3	9.5	38	2
26	Trần Xuân Thanh Tâm	12A5.26	120301	7.8	39	11	8.0	32	8
27	Phạm Như Thảo	12A5.27	120112	9.8	49	1	9.0	36	4
28	Lương Nguyễn Quốc Thịnh	12A5.28	120428	7.6	38	12	9.3	37	3
29	Trần Lê Thanh Thúy	12A5.29	120115	9.6	48	2	9.8	39	1
30	Nguyễn Hồng Anh Thư	12A5.30	120116	8.0	40	10	7.8	31	9
31	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	12A5.31	120065	9.6	48	2	7.8	31	9
32	Phan Ngọc Mỹ Tiên	12A5.32	120091	9.6	48	2	9.0	36	4
33	Ngô Thanh Tiền	12A5.33	120303	8.6	43	7	9.3	37	3
34	Nguyễn Thanh Toàn	12A5.34	120379	8.6	43	7	9.5	38	2
35	Huỳnh Thị Kiều Trang	12A5.35	120141	8.8	44	6	8.5	34	6
36	Nguyễn Thị Bích Trâm	12A5.36	120092	9.4	47	3	9.8	39	1
37	Văn Ngọc Bảo Trân	12A5.37	120283	8.4	42	7	9.5	38	2
38	Trần Thị Ngọc Trinh	12A5.38	120307	9.0	45	5	9.0	36	4
39	Bùi Thị Phi Uyên	12A5.39	120309	8.0	40	10	8.8	35	5
40	Nguyễn Thiên Thái Việt	12A5.40	120336	8.2	41	9	8.0	32	7
41	Phạm Thị Ngọc Vy	12A5.41	120045	9.8	49	1	9.5	38	2
42	Nguyễn Bảo Phương Vy	12A5.42	120312	6.4	32	17	8.3	33	7
43	Cao Trần Thảo Vy	12A5.43	120096	9.6	48	2	8.0	32	8
44	Lê Dương Hoàng Yến	12A5.44	120048	9.8	49	1	10.0	40	0

ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)

MÔN: TOÁN, GD CD 12

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	TOÁN			GD CD		
				ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai	ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai
1	Trần Văn Phúc An	12A6.01	120241						
2	Trần Phan Quốc Anh	12A6.02	120595	7.0	35	15	8.0	32	8
3	Lê Thị Quỳnh Anh	12A6.03	120242	8.4	42	8	8.8	35	5
4	Huỳnh Lại Thị Bảo Châu	12A6.04	120197	7.8	39	11	9.0	36	4
5	Lê Hồng Diễm	12A6.05	120243	7.4	37	13	9.0	36	4
6	Phạm Thảo Duyên	12A6.06	120145	9.4	47	3	9.3	37	3
7	Phan Thị Thanh Hằng	12A6.07	120221	7.4	37	13	8.8	35	5
8	Nguyễn Trung Hiếu	12A6.08	120601	6.4	32	18	6.5	26	14
9	Đặng Vĩnh Hưng	12A6.09	120439	6.6	33	17	8.5	34	6
10	Phạm Đình Khánh	12A6.10	120129	8.2	41	9	9.8	39	1
11	Ngô Minh Khôi	12A6.11	120203	6.4	32	18	9.5	38	2
12	Nguyễn Hoàng Kim	12A6.12	120462	6.6	33	17	6.5	26	14
13	Lê Nguyễn Quốc Kỳ	12A6.13	120557	5.4	27	23	5.5	22	18
14	Phạm Thị Hoài Linh	12A6.14	120441	7.4	37	13	9.5	38	2
15	Lại Ngọc Luân	12A6.15	120253	7.6	38	12	8.3	33	7
16	Lê Thị Trúc My	12A6.16	120325	8.6	43	7	8.8	35	5
17	Phạm Thị Tuyết Ngân	12A6.17	120446	6.6	33	17	7.0	28	12
18	Trương Văn Nghĩa	12A6.18	120491	5.8	29	21	8.5	34	6
19	Hồ Thị Kim Ngọc	12A6.19	120448	7.8	39	11	9.8	39	1
20	Nguyễn Thành Nhân	12A6.20	120152	8.8	44	6	7.0	28	12
21	Lê Ngọc Yến Nhi	12A6.21	120450	6.0	30	20	9.0	36	4
22	Nguyễn Lê Minh Phát	12A6.22	120424	8.6	43	7	8.8	35	5
23	Nguyễn Lê Minh Phú	12A6.23	120277	7.8	39	11	7.8	31	9
24	Lê Đình Quang Phước	12A6.24	120563	6.2	31	19	7.0	28	11
25	Trần Minh Quân	12A6.25	120259	7.2	36	14	6.0	24	16
26	Nguyễn Thanh Thảo	12A6.26	120138	7.8	39	11	9.3	37	3
27	Hà Gia Thắng	12A6.27	120236	8.2	41	9	9.8	39	1
28	Nguyễn Phạm Hoàng Thông	12A6.28	120403	7.4	37	13	7.5	30	10
29	Lê Nguyễn Minh Thư	12A6.29	120016	8.8	44	6	9.3	37	3
30	Trương Ngọc Thư	12A6.30	120139	9.2	46	4	9.0	36	4
31	Võ Trọng Tiến	12A6.31	120498	5.8	29	21	7.8	31	9
32	Phạm Huỳnh Yến Trang	12A6.32	120282	7.6	38	12	7.0	28	12
33	Đoàn Hoàng Huyền Trâm	12A6.33	120521	7.4	37	13	8.8	35	5
34	Trần Thị Bảo Trân	12A6.34	120238	8.8	44	6	8.8	35	5
35	Phạm Quang Trọng	12A6.35	120501	7.4	37	13	8.8	35	5
36	Nguyễn Minh Trung	12A6.36	120264	7.8	39	11	7.5	30	10
37	Huỳnh Thị Kim Tuyền	12A6.37	120287	7.6	38	12	9.0	36	4
38	Nguyễn Phúc Vinh	12A6.38	120191	7.6	38	12	8.5	34	6
39	Phạm Tú Vy	12A6.39	120070	8.2	41	9	8.5	34	6

ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)

MÔN: TOÁN, GD CD 12

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	TOÁN			GD CD		
				ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai	ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai
1	Đoàn Hồ Trường An	12A7.01	120195	5.6	28	22	8.5	34	6
2	Nguyễn Tiến Bằng	12A7.02	120387	8.4	42	8	8.5	34	6
3	Nguyễn Ngọc Minh Châu	12A7.03	120480	7.6	38	12	8.5	34	6
4	Nguyễn Ngọc Kiều Diễm	12A7.04	120409	6.2	31	19	9.5	38	2
5	Nguyễn Khánh Duy	12A7.05	120410	4.6	23	27	9.0	36	4
6	Trương Quốc Đạt	12A7.06	120434	6.8	34	16	7.8	31	9
7	Trịnh Gia Hân	12A7.07	120246	6.6	33	17	7.8	31	9
8	Hồng Quốc Hoàng	12A7.08	120222	7.8	39	11	8.8	35	5
9	Thái Vũ Nhật Huy	12A7.09	120147	8.2	41	9	8.3	33	7
10	Nguyễn Hoàng Kha	12A7.10	120440	6.4	32	18	5.8	23	17
11	Trần Minh Khang	12A7.11	120603	4.8	24	26	5.8	23	17
12	Trần Minh Khánh	12A7.12	120576	4.8	24	26	6.0	24	16
13	Nguyễn Tấn Khoa	12A7.13	120035	8.0	40	10	9.3	37	3
14	Đỗ Ngọc Minh Khuê	12A7.14	120533	2.0	10	40	7.5	30	10
15	Hà Thiên Kim	12A7.15	120293	6.8	34	16	9.0	36	4
16	Nguyễn Thị Mỹ Linh	12A7.16	120418	6.4	32	18	6.5	26	14
17	Dương Võ Công Luận	12A7.17	120420	4.4	22	26	8.3	33	7
18	Trần Thục Mỹ	12A7.18	120347	9.4	47	3	9.3	37	3
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	12A7.19	120513	6.8	34	16	8.0	32	8
20	Trần Tuấn Nghĩa	12A7.20	120447	7.4	37	13	8.5	34	6
21	Trần Nguyễn Thành Nhân	12A7.21	120349	8.0	40	10	9.0	36	4
22	Nguyễn Thị Bích Nhi	12A7.22	120256	5.2	26	24	7.5	30	10
23	Trần Ngọc Yến Nhi	12A7.23	120276	7.0	35	15	7.0	28	12
24	Đoàn Hồng Phát	12A7.24	120397	6.8	34	16	8.8	35	5
25	Nguyễn Hoàng Phú	12A7.25	120587	3.6	18	32	6.0	24	16
26	Nguyễn Mạnh Quân	12A7.26	120426	8.0	40	10	8.3	33	7
27	Trương Ngọc Sơn	12A7.27	120540	7.0	35	15	8.0	32	8
28	Đoàn Quốc Thắng	12A7.28	120589	4.4	22	28	7.3	29	11
29	Nguyễn Thị Minh Thi	12A7.29	120471	6.2	31	19	8.8	35	5
30	Diệp Huỳnh Anh Thư	12A7.30	120377	7.2	36	14	9.0	36	4
31	Nguyễn Anh Thư	12A7.31	120378	3.2	16	32	8.3	33	7
32	Lương Trí Thức	12A7.32	120333	7.6	38	12	9.3	37	3
33	Võ Ngọc Thùy Trâm	12A7.33	120405	6.8	34	16	7.3	29	11
34	Huỳnh Nguyễn Đức Trí	12A7.34	120018	8.8	44	6	9.5	38	2
35	Nguyễn Thanh Trọng	12A7.35	120542	7.4	37	13	9.0	36	4
36	Dương Hoàng Thanh Trúc	12A7.36	120240	5.0	25	25	7.3	29	11
37	Bùi Tấn Trung	12A7.37	120432	3.6	18	32	8.0	32	8
38	Lê Nguyễn Trường Vũ	12A7.38	120592	5.2	26	24	7.8	31	9
39	Lương Hồng Vương	12A7.39	120215	8.6	43	7	8.5	34	6
40	Nguyễn Tường Vy	12A7.40	120547	4.2	21	29	5.5	22	18

ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)

MÔN: TOÁN, GDCD 12

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	TOÁN			GDCD		
				ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai	ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai
1	Nguyễn Bùi Minh An	12A8.01	120385	7.6	38	12	6.5	26	14
2	Phạm Hoàng Bảo	12A8.02	120265	8.8	44	6	8.0	32	8
3	Mai Diễm Châu	12A8.03	120198	8.4	42	8	8.5	34	6
4	Cao Ngọc Diệu	12A8.04	120199	9.2	46	4	8.8	35	5
5	Nguyễn Thanh Duy	12A8.05	120548	5.0	25	25	7.3	29	11
6	Trần Minh Đạt	12A8.06	120529	5.8	29	21	7.8	31	9
7	Trang Sĩ Anh Hào	12A8.07	120172	7.8	39	11	8.3	33	7
8	Mai Nguyễn Chi Hân	12A8.08	120531	4.6	23	27	6.8	27	13
9	Trần Thúy Hạnh Hoa	12A8.09	120602	3.8	19	31	5.3	21	19
10	Lê Trần Hoàng Huân	12A8.10	120268	7.4	37	13	8.5	34	6
11	Phạm Hồ Thiên Huệ	12A8.11	120176	9.4	47	3	9.5	38	2
12	Nguyễn Thị Như Huyền	12A8.12	120486	3.2	16	34	6.3	25	15
13	Hồ Thanh Huyền	12A8.13	120177	6.4	32	18	8.3	33	7
14	Lê Thị Ngọc Hương	12A8.14	120554	4.2	21	29	5.0	20	20
15	Nguyễn Sơn Khải	12A8.15	120390	8.2	41	9	6.8	27	13
16	Hồ Kim Khánh	12A8.16	120391	7.6	38	12	8.3	33	7
17	Nguyễn Thị Kim Khuyên	12A8.17	120414	9.0	45	5	9.0	36	4
18	Thái Phúc Lâm	12A8.18	120558	6.0	30	20	7.3	29	11
19	Lý Ngọc Linh	12A8.19	120463	6.8	34	16	7.3	29	11
20	Hồ Đào Xuân Mai	12A8.20	120511	4.4	22	28	6.5	26	14
21	Phạm Phan Hồng Mỹ	12A8.21	120273	7.8	39	11	9.0	36	4
22	Nguyễn Thị Thanh Ngân	12A8.22	120579	6.4	32	18	8.5	34	6
23	Trần Phước Nghĩa	12A8.23	120606	4.0	20	30	7.0	28	12
24	Nguyễn Trang Nhã	12A8.24	120583	5.2	26	24	7.0	28	12
25	Phan Võ Bảo Nhân	12A8.25	120449	7.8	39	11	8.0	32	8
26	Trần Thị Ánh Nhi	12A8.26	120537	4.0	20	30	5.0	20	20
27	Phan Tấn Phát	12A8.27	120493	6.8	34	16	8.3	33	7
28	Huỳnh Nguyễn Quang Phú	12A8.28	120609	4.2	21	28	5.8	23	17
29	Nguyễn Thị Ánh Phương	12A8.29	120233	9.4	47	2	8.3	33	7
30	Trịnh Minh Quân	12A8.30	120350	8.6	43	7	9.0	36	4
31	Phạm Huỳnh Gia Quyên	12A8.31	120400	6.2	31	19	7.8	31	9
32	Lê Mỹ Tâm	12A8.32	120280	6.4	32	18	5.3	21	19
33	Nguyễn Hoàng Thương	12A8.33	120473	5.0	25	25	7.0	28	12
34	Nguyễn Hồng Tín	12A8.34	120615	5.8	29	21	#N/A	#N/A	#N/A
35	Lý Trần Quốc Trí	12A8.35	120284	8.0	40	10	8.8	35	5
36	Nguyễn Thanh Trúc	12A8.36	120380	8.6	43	7	8.8	35	5
37	Nguyễn Thiên Trường	12A8.37	120569	7.8	39	11	6.8	27	13
38	Nguyễn Mỹ Uyên	12A8.38	120616	4.8	24	26	#N/A	#N/A	#N/A
39	Trần Thanh Vy	12A8.39	120477	8.2	41	9	9.5	38	2
40	Võ Dương Tường Vy	12A8.40	120546	4.6	23	27	5.8	23	17

ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)

MÔN: TOÁN, GDCD 12

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	TOÁN			GDCD		
				ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai	ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai
1	Lê Quốc Bảo	12A9.01	120596	4.2	21	29	5.8	23	17
2	Huỳnh Thị Kim Chi	12A9.02	120457	7.6	38	12	7.8	31	9
3	Nguyễn Minh Chiến	12A9.03	120572	6.0	30	20	7.3	29	11
4	Phạm Đức Duy	12A9.04	120339	6.6	33	17	8.3	33	7
5	Hồ Mẫn Đạt	12A9.05	120458	6.6	33	17	8.0	32	8
6	Trương Ngọc Bảo Hân	12A9.06	120200	7.0	35	14	8.8	35	5
7	Lại Phúc Hậu	12A9.07	120101	8.0	40	10	9.3	37	3
8	Nguyễn Thị Thanh Hoa	12A9.08	120175	6.2	31	19	9.0	36	4
9	Trần Diễm Hương	12A9.09	120553	7.4	37	13	7.8	31	9
10	Lê Tuấn Khang	12A9.10	120365	7.0	35	14	8.0	32	8
11	Trần Gia Khánh	12A9.11	120413	7.0	35	15	7.8	31	9
12	Huỳnh Trung Kiên	12A9.12	120604	4.4	22	28	6.8	27	13
13	Võ Hoàng Long	12A9.14	120295	7.4	37	13	9.3	37	3
14	Nguyễn Nhật Minh	12A9.15	120534	5.4	27	23	7.5	30	10
15	Nguyễn Công Nam	12A9.16	120180	8.0	40	10	8.8	35	5
16	Trần Hoài Nam	12A9.17	120296	6.0	30	20	8.8	35	5
17	Nguyễn Thị Thanh Ngân	12A9.18	120228	8.0	40	10	9.8	39	1
18	Vũ Hồng Ngọc	12A9.19	120134	8.0	40	9	8.0	32	8
19	Trương Trần Minh Nguyệt	12A9.20	120081	8.8	44	6	9.3	37	3
20	Hồ Thị Lan Nhi	12A9.21	120106	9.4	47	3	9.5	38	2
21	Võ Ngọc Nhi	12A9.22	120183	8.0	40	10	7.3	29	11
22	Lê Thị Kim Như	12A9.23	120108	7.6	38	12	8.0	32	8
23	Bùi Minh Nhựt	12A9.24	120586	6.6	33	17	8.0	32	8
24	Nguyễn Tấn Phát	12A9.25	120538	5.4	27	23	8.0	32	8
25	Lê Phan Hoàng Phúc	12A9.26	120425	5.8	29	21	9.3	37	3
26	Đỗ Minh Quân	12A9.27	120564	7.8	39	11	7.8	31	9
27	Võ Ngọc Bảo Quý	12A9.28	120279	8.4	42	8	8.0	32	8
28	Võ Minh Tân	12A9.29	120469	5.2	26	24	8.8	35	5
29	Lê Thị Kiều Thanh	12A9.30	120351	7.0	35	15	7.5	30	10
30	Đoàn An Minh Thùy	12A9.31	120187	7.2	36	14	8.3	33	7
31	Trịnh Ngọc Bảo Trân	12A9.32	120500	5.8	29	21	8.0	32	8
32	Mai Minh Trí	12A9.33	120406	6.2	31	19	6.8	27	13
33	Lê Ngọc Phương Trinh	12A9.34	120407	6.0	30	20	8.8	35	5
34	Trần Phú Trọng	12A9.35	120431	7.6	38	12	8.3	33	7
35	Huỳnh Thụy Dương Trúc	12A9.36	120263	5.8	29	21	7.3	29	11
36	Huỳnh Minh Tuấn	12A9.37	120543	6.0	30	20	6.3	25	15
37	Hồ Nguyễn Thanh Vy	12A9.38	120384	3.8	19	31	6.8	27	13

ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)

MÔN: TOÁN, GD CD 12

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	TOÁN			GD CD		
				ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai	ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai
1	Phan Thị Kim Anh	12A10.01	120169	9.0	45	5	7.8	31	9
2	Trần Quang Bảo	12A10.02	120479	5.2	26	24	6.5	26	14
3	Nguyễn Thanh Bình	12A10.03	120313	7.6	38	12	7.5	30	10
4	Nguyễn Chí Cường	12A10.04	120388	6.4	32	18	6.8	27	13
5	Bùi Văn Dũng	12A10.05	120338	8.0	40	10	7.5	30	10
6	Trần Mỹ Duyên	12A10.06	120170	5.4	27	23	8.0	32	8
7	Trần Tấn Đạt	12A10.07	120412	5.4	27	23	8.5	34	6
8	Phạm Ngọc Hoài Hân	12A10.08	120173	6.4	32	17	9.5	38	2
9	Phạm Công Hậu	12A10.09	120032	7.0	35	15	9.0	36	4
10	Đinh Thị Cẩm Hương	12A10.10	120178	6.6	33	17	7.0	28	12
11	Trần Bảo Khanh	12A10.11	120487	3.8	19	31	8.0	32	8
12	Lê Chí Khanh	12A10.12	120488	6.8	34	16	7.3	29	11
13	Ngô Đăng Khoa	12A10.13	120201	4.2	21	29	9.0	36	4
14	Trương Gia Kiệt	12A10.14	120489	6.4	32	18	7.0	28	12
15	Nguyễn Phúc Lâm	12A10.15	120510						
16	Nguyễn Phan Thanh Liêm	12A10.16	120367	7.2	36	14	7.3	29	11
17	Võ Huy Lợi	12A10.17	120344	4.2	21	29	4.8	19	21
18	Trần Tuấn Minh	12A10.18	120368	4.6	23	27	7.5	30	10
19	Tô Ngọc Ngân	12A10.19	120445	6.4	32	18	8.3	33	7
20	Huỳnh Kim Ngọc	12A10.20	120151	7.6	38	12	9.8	39	1
21	Lâm Ánh Nhung	12A10.21	120084	8.0	40	10	9.0	36	4
22	Lê Nguyễn Thành Phát	12A10.22	120154	6.8	34	16	8.5	34	6
23	Nguyễn Tấn Phúc	12A10.23	120155	6.4	32	18	8.0	32	8
24	Mai Thị Thu Phương	12A10.24	120298	6.4	32	18	7.8	31	9
25	Trần Thanh Tân	12A10.25	120158	8.8	44	6	8.5	34	6
26	Huỳnh Ngọc Băng Thanh	12A10.26	120185	7.0	35	15	8.0	32	8
27	Lê Đoàn Kim Thủy	12A10.27	120262	6.2	31	19	9.0	36	4
28	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	12A10.28	120063	8.4	42	8	8.5	34	6
29	Nguyễn Anh Thư	12A10.29	120041	7.0	35	15	9.3	37	3
30	Cao Thị Minh Thư	12A10.30	120161	8.2	41	8	8.3	33	7
31	Lê Minh Tính	12A10.31	120163	5.2	26	24	7.5	30	10
32	Đoàn Thị Bảo Trân	12A10.32	120213	4.4	22	28	5.5	22	18
33	Trần Hữu Trung	12A10.33	120285	4.8	24	25	6.5	26	11
34	Trần Quang Tuấn	12A10.34	120119	6.6	33	17	7.8	31	9
35	Kiều Thanh Văn	12A10.35	120383	5.0	25	25	7.8	31	9
36	Nguyễn Thị Cẩm Vân	12A10.36	120021	8.2	41	9	8.8	35	5
37	Lý Khánh Vy	12A10.37	120144	6.2	31	19	7.8	31	9
38	Ngô Thảo Vy	12A10.38	120120	7.0	35	15	10.0	40	0

ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)

MÔN: TOÁN, GDCD 12

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	TOÁN			GDCD		
				ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai	ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai
1	Phạm Thị Thúy An	12A11.01	120001	8.4	42	8	9.3	37	3
2	Nguyễn Văn An	12A11.02	120525	6.4	32	18	5.5	22	18
3	Huỳnh Ngọc Xuân An	12A11.03	120456	6.2	31	19	8.3	33	7
4	Nguyễn Ngọc Lan Anh	12A11.04	120361	6.4	32	18	7.5	30	10
5	Nguyễn Huỳnh Trâm Anh	12A11.05	120527	6.6	33	17	6.8	27	13
6	Huỳnh Thái Duy	12A11.06	120598	5.8	29	21	7.8	31	9
7	Võ Chí Điền	12A11.07	120124	7.2	36	14	8.8	35	5
8	Nguyễn Thị Trúc Giang	12A11.08	120219	7.6	38	12	8.5	34	6
9	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	12A11.09	120549	4.8	24	26	7.3	29	11
10	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	12A11.10	120506	5.4	27	23	6.5	26	13
11	Võ Trần Ngọc Hiếu	12A11.11	120532	5.4	27	23	5.3	21	19
12	Nguyễn Ngọc Khánh	12A11.12	120461	6.2	31	19	8.8	35	5
13	Nguyễn Tuấn Kiệt	12A11.13	120415	7.4	37	13	8.5	34	6
14	Đặng Hoàng Lâm	12A11.14	120366	9.0	45	5	7.8	31	9
15	Dương Thị Kim Loan	12A11.15	120079	8.2	41	9	9.0	36	4
16	Đoàn Minh Mẫn	12A11.16	120392	7.6	38	12	7.8	31	9
17	Nguyễn Phan Diễm My	12A11.17	120605	5.6	28	22	7.8	31	9
18	Nguyễn Thị Thu Ngân	12A11.18	120536	5.6	28	22	8.5	34	6
19	Hồ Thắm Nghi	12A11.19	120394	6.0	30	20	8.8	35	5
20	Nguyễn Khánh Nguyên	12A11.20	120582	6.4	32	18	7.3	29	11
21	Trần Ái Nhi	12A11.21	120584	6.2	31	19	8.8	35	5
22	Phạm Thị Phương Nhi	12A11.22	120372	8.6	43	7	9.3	37	3
23	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	12A11.23	120232	7.4	37	13	9.3	37	3
24	Thái Phong Niên	12A11.24	120561	6.6	33	17	7.0	28	11
25	Cao Thị Kim Oanh	12A11.25	120011	9.6	48	2	9.3	37	3
26	Lại Phước Phát	12A11.26	120258	6.6	33	17	9.8	39	1
27	Đặng Hoàng Phúc	12A11.27	120562	5.4	27	23	6.5	26	14
28	Huỳnh Ngọc Quý	12A11.28	120517	5.2	26	24	7.8	31	9
29	Bùi Thị Như Quỳnh	12A11.29	120402	6.4	32	18	8.3	33	7
30	Huỳnh Lê Anh Tài	12A11.30	120518	7.8	39	11	4.8	19	21
31	Huỳnh Thị Trang Thảo	12A11.31	120353	8.8	44	6	7.8	31	9
32	Phạm Nguyên Hữu Thịnh	12A11.32	120472	7.4	37	13	7.5	30	10
33	Trần Anh Thư	12A11.33	120497	7.6	38	12	7.5	30	10
34	Nguyễn Ngô Trọng Tín	12A11.34	120162	5.4	27	23	7.5	30	10
35	Phan Thành Tính	12A11.35	120281	5.6	28	22	7.5	30	10
36	Hà Thụy Đoan Trang	12A11.36	120190	7.6	38	12	9.0	36	4
37	Phan Tấn Tú	12A11.37	120454	7.2	36	14	5.8	23	17
38	Nguyễn Ngọc Như Uyên	12A11.38	120288	6.4	32	18	9.3	37	3
39	Nguyễn Minh Vương	12A11.39	120475	5.8	29	21	7.5	30	10
40	Lục Bích Vy	12A11.40	120476	6.2	31	19	6.5	26	14
41	Dương Hải Yến	12A11.41	120593	5.8	29	21	8.8	35	5
42	Tạ Khánh Hân	12A11.42	120437	6.6	33	17	8.5	34	6

ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)

MÔN: TOÁN, GDCD 12

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	TOÁN			GDCD		
				ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai	ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai
1	Trần Hoài Bảo	12A12.01	120571				7.3	29	11
2	Nguyễn Hoàng Quốc Cường	12A12.02	120481	6.0	30	20	7.3	29	11
3	Thạch Võ Thùy Dung	12A12.03	120122	7.4	37	13	9.3	37	3
4	Đoàn Quốc Duy	12A12.04	120597	4.4	22	28	6.5	26	14
5	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao	12A12.05	120220	7.6	38	12	8.8	35	5
6	Phạm Thị Hồng Hạnh	12A12.06	120267	6.0	30	20	8.3	33	7
7	Nguyễn Ngọc Gia Hân	12A12.07	120436	4.8	24	26	7.8	31	9
8	Lê Thị Hồng Hoa	12A12.08	120247	8.4	42	8	8.5	34	6
9	Hồ Nguyễn Ngọc Huy	12A12.09	120551	4.4	22	28	7.0	28	12
10	Lý Hồng Hưng	12A12.10	120460	4.2	21	29	6.8	27	13
11	Phan Đỗ Thanh Khải	12A12.11	120269	6.4	32	18	7.0	28	12
12	Lưu Quốc Khánh	12A12.12	120055	9.0	45	5	9.8	39	1
13	Nguyễn Lê Anh Kiệt	12A12.13	120556	5.2	26	24	8.0	32	8
14	Lê Thị Hoài Lam	12A12.14	120036	8.0	40	10	9.3	37	3
15	Lục Ý Linh	12A12.15	120464	5.2	26	24	8.3	33	7
16	Lê Tiết Thiên Lộc	12A12.16	120443	7.8	39	11	8.0	32	8
17	Phạm Minh Luân	12A12.17	120419	5.2	26	24	8.8	35	5
18	Vũ Thanh Thường Minh	12A12.18	120535	6.4	32	18	8.3	33	7
19	Nguyễn Bá Ngọc Nga	12A12.19	120444	5.4	27	23	8.5	34	6
20	Lê Nguyễn Kiều Ngân	12A12.20	120006	9.0	45	5	9.0	36	4
21	Nguyễn Trần Thanh Như Ngọc	12A12.21	120492	7.8	39	11	8.3	33	7
22	Lâm Minh Nguyệt	12A12.22	120274	6.4	32	18	9.3	37	3
23	Lại Lê Nhi	12A12.23	120257	6.0	30	20	9.0	36	4
24	Trần Thị Quỳnh Như	12A12.24	120109	8.8	44	6	10.0	40	0
25	Huỳnh Lê Hoàng Phúc	12A12.25	120278	3.8	19	31	5.3	21	19
26	Lê Hồng Phương	12A12.26	120398	5.2	26	23	8.5	34	6
27	Mai Thế Phương	12A12.27	120610	4.8	24	26	6.5	26	14
28	Trần Thảo Uyên	12A12.28	120329	8.8	44	6	9.0	36	4
29	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	12A12.29	120401	7.4	37	13	8.3	33	7
30	Đào Thị Vân Thảo	12A12.30	120186	8.0	40	10	9.0	36	4
31	Võ Lữ Quốc Thắng	12A12.31	120590	6.0	30	19	8.5	34	6
32	Tổng Thế Thọ	12A12.32	120566	4.8	24	26	8.0	32	8
33	Phạm Ngọc Thanh Thuyền	12A12.33	120332	6.4	32	18	8.8	35	5
34	Trần Thị Anh Thư	12A12.34	120496	7.4	37	13	7.8	31	9
35	Huỳnh Thị Kim Trang	12A12.35	120212	7.2	36	14	8.5	34	6
36	Trần Hồ Thanh Trúc	12A12.36	120166	9.2	46	4	9.5	38	2
37	Trần Trang Tuấn	12A12.37	120544	6.0	30	20	8.8	35	5
38	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	12A12.38	120142	8.4	42	8	9.0	36	4
39	Ngô Bạch Tuyết	12A12.39	120382	7.2	36	14	9.5	38	2
40	Đoàn Nguyễn Thu Vân	12A12.40	120474	4.8	24	26	6.0	24	16
41	Nguyễn Khả Vy	12A12.41	120311	7.2	36	14	10.0	40	0

ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)

MÔN: TOÁN, GDCD 12

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	TOÁN			GDCD		
				ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai	ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai
1	Nguyễn Minh Anh	12A13.01	120594	7.2	36	14	9.0	36	4
2	Nguyễn Trang Ngọc Diễm	12A13.02	120244	9.0	45	5	7.5	30	10
3	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	12A13.03	120266	7.2	36	14	8.8	35	5
4	Chắc Chấn Cao Thùy Dương	12A13.04	120052	9.6	48	2	10.0	40	0
5	Vô Thiên Trang Đài	12A13.05	120315	8.6	43	7	8.8	35	5
6	Phạm Nguyễn Thị Hồng Gấm	12A13.06	120599	4.2	21	29	6.8	27	13
7	Trần Lê Thanh Hải	12A13.07	120600	6.0	30	19	7.5	30	8
8	Nguyễn Dương Nhật Anh Hào	12A13.08	120550	5.4	27	23	5.3	21	19
9	Trần Gia Hân	12A13.09	120125	7.4	37	13	8.0	32	8
10	Mai Thiên Hoàng	12A13.10	120574	3.4	17	33	6.8	27	13
11	Nguyễn Thị Tú Hồng	12A13.11	120223	6.0	30	20	9.0	36	4
12	Nguyễn Như Huệ	12A13.12	120485	5.2	26	24	7.3	29	11
13	Lê Trần Quốc Huy	12A13.13	120249	6.8	34	16	8.5	34	6
14	Trần Thị Thùy Linh	12A13.14	120271	7.4	37	13	8.5	34	6
15	Phạm Ngọc Trúc Linh	12A13.15	120272	6.6	33	17	8.3	33	7
16	Nguyễn Thị Xuân Lộc	12A13.16	120252	7.0	35	15	8.0	32	8
17	Nguyễn Thanh Minh	12A13.17	120465	6.2	31	19	7.3	29	11
18	Nguyễn Huỳnh Nga	12A13.18	120393	6.0	30	20	8.3	33	7
19	Lê Kim Ngân	12A13.19	120181	8.2	41	9	9.0	36	4
20	Ngô Minh Nghĩa	12A13.20	120255	7.0	35	15	9.3	37	3
21	Trần Thanh Nhã	12A13.21	120560	5.2	26	23	8.0	32	8
22	Lưu Thị Quỳnh Nhi	12A13.22	120585	5.8	29	21	6.8	27	13
23	Nguyễn Thị Quỳnh Như	12A13.23	120153	8.0	40	10	10.0	40	0
24	Phan Tổ Như	12A13.24	120514	5.2	26	24	7.3	29	11
25	Chung Long Phát	12A13.25	120608	5.4	27	23	7.5	30	10
26	Trần Ngọc Y Phụng	12A13.26	120516	6.0	30	20	7.0	28	12
27	Nguyễn Trần Quốc Quang	12A13.27	120234	7.0	35	15	7.8	31	9
28	Tiết Gia Quý	12A13.28	120399	5.6	28	22	7.8	31	9
29	Nguyễn Thị Kim Quyên	12A13.29	120157	6.8	34	16	9.5	38	2
30	Phạm Minh Sang	12A13.30	120376	5.2	26	24	8.0	32	8
31	Lê Văn Anh Tài	12A13.31	120468	6.6	33	17	8.8	35	5
32	Trương Ngọc Nhã Thi	12A13.32	120302	6.4	32	18	8.0	32	8
33	Đoàn Thị Hương Thơm	12A13.33	120495	6.2	31	19	7.3	29	11
34	Trần Lại Yên Thư	12A13.34	120064	7.6	38	11	8.8	35	5
35	Nguyễn Trần Trúc Thy	12A13.35	120211	6.6	33	17	8.5	34	6
36	Nguyễn Thị Thùy Trang	12A13.36	120568	6.0	30	20	7.3	29	11
37	Lê Thị Nhã Trúc	12A13.37	120523	4.6	23	27	6.5	26	14
38	Lê Văn Anh Tuấn	12A13.38	120286	6.6	33	17	9.0	36	4
39	Đoàn Thị Thùy Vân	12A13.39	120168	7.4	37	13	8.0	32	8
40	Nguyễn Thúy Vy	12A13.40	120216	5.8	29	21	9.5	38	2
41	Nguyễn Phúc Toàn Vỹ	12A13.41	120359	6.0	30	20	9.3	37	3
42	Bùi Phan Quý Dương	12A13.42	120123	9.0	45	5	8.5	34	6

ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)

MÔN: TOÁN, GD CD 12

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	TOÁN			GD CD		
				ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai	ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai
1	Nguyễn Hồng Anh	12A14.01	120025	9.4	47	3	9.3	37	3
2	Nguyễn Trúc Anh	12A14.02	120337	6.8	34	16	7.3	29	11
3	Võ Ngọc Minh Châu	12A14.03	120097	7.2	36	14	9.3	37	3
4	Ngô Hoàng Phương Duy	12A14.04	120076	9.6	48	2	9.3	37	3
5	Huỳnh Thị Phước Duyên	12A14.05	120411	6.4	32	18	7.8	31	9
6	Phan Ngọc Phương Duyên	12A14.06	120029	8.4	42	8	9.5	38	2
7	Trần Ngọc Anh Đào	12A14.07	120316	9.4	47	3	9.5	38	2
8	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	12A14.08	120530	4.2	21	29	8.0	32	8
9	Võ Thị Mỹ Hân	12A14.09	120505	4.4	22	28	6.3	25	15
10	Đỗ Hồng Ngọc Hân	12A14.10	120573	3.0	15	35	6.5	26	14
11	Lại Trung Hậu	12A14.11	120484	4.4	22	28	8.5	34	6
12	Trương Minh Hưng	12A14.12	120508	7.4	37	13	9.0	36	4
13	Đinh Trần Anh Khoa	12A14.13	120577	5.6	28	22	7.5	30	10
14	Trần Trương Đăng Khoa	12A14.14	120555	4.8	24	26	6.3	25	15
15	Trần Hoàng Long	12A14.15	120104	9.2	46	4	9.3	37	3
16	Thạch Hà My	12A14.16	120369	5.6	28	22	9.5	38	2
17	Nguyễn Ngọc Ngà	12A14.17	120133	9.2	46	4	9.0	36	4
18	Trần Thảo Thanh Ngân	12A14.18	120490	6.2	31	19	8.3	33	7
19	Huỳnh Thiên Nghi	12A14.19	120348	6.6	33	17	9.3	37	3
20	Lê Phú Nghĩa	12A14.20	120580	6.4	32	18	8.5	34	6
21	Tào Quang Nhân	12A14.21	120607	4.2	21	29	7.8	31	9
22	Lại Thanh Nhi	12A14.22	120395	6.2	31	19	7.0	28	12
23	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12A14.23	120373	7.8	39	11	8.5	34	6
24	Trần Thị Tuyết Như	12A14.24	120010	9.4	47	3	10.0	40	0
25	Nguyễn Thành Đạt Phương	12A14.25	120539	5.4	27	23	8.3	33	7
26	Nguyễn Đăng Mai Quyên	12A14.26	120453	6.8	34	16	8.5	34	5
27	Huỳnh Ngọc Quyên	12A14.27	120467	4.4	22	28	7.8	31	9
28	Nguyễn Thị Ngọc Soàn	12A14.28	120611	3.4	17	33	6.5	26	14
29	Lê Quốc Thái	12A14.30	120613	6.4	32	18	8.8	35	5
30	Hồ Thị Thiên Thiên	12A14.31	120209	9.6	48	2	8.8	35	5
31	Trần Hoàng Thịnh	12A14.32	120519	6.4	32	18	7.8	31	9
32	Đặng Huỳnh Ngân Thu	12A14.33	120520	5.2	26	24	7.8	31	9
33	Nguyễn Thị Thanh Thúy	12A14.34	120331	9.2	46	4	8.5	34	6
34	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	12A14.35	120541	5.2	26	24	7.5	30	10
35	Phạm Thái Toàn	12A14.36	120404	7.0	35	15	8.8	35	5
36	Nguyễn Thùy Trang	12A14.37	120334	8.2	41	9	8.5	34	6
37	Bùi Huyền Trân	12A14.38	120430	6.6	33	17	9.0	36	4
38	Đoàn Thanh Tú	12A14.39	120356	8.6	43	7	6.5	26	14
39	Nguyễn Thị Thu Vàng	12A14.40	120214	8.6	43	7	9.5	38	2
40	Đoàn Võ Như Ý	12A14.41	120455	5.8	29	21	8.5	34	6
41	Đặng Hoàng Sơn	12A14.45	120612	4.4	22	28	7.0	28	12

ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021-2022)

MÔN: TOÁN, GD CD 12

STT	Họ và tên	Lớp	SBD	TOÁN			GD CD		
				ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai	ĐIỂM	Số câu đúng	Số câu sai
1	Nguyễn Ngọc Lan Anh	12A15.01	120526	5.6	28	22	4.3	17	23
2	Hoàng Thị Quỳnh Anh	12A15.02	120502	4.6	23	27	7.3	29	11
3	Hồ Nguyễn Thảo Chi	12A15.03	120503	5.2	26	24	8.0	32	7
4	Nguyễn Nhật Duy	12A15.04	120528	3.0	15	35	6.8	27	13
5	Nguyễn Trường Duy	12A15.05	120362	5.8	29	21	9.5	38	2
6	Huỳnh Anh Đông	12A15.06	120483	7.2	36	14	8.3	33	7
7	Lê Thị Hằng	12A15.07	120504	6.2	31	19	8.5	34	6
8	Lê Mỹ Hiền	12A15.08	120291	7.0	35	15	8.0	32	8
9	Lê Nguyễn Bá Hoàng	12A15.09	120459	5.4	27	23	7.0	28	12
10	Võ Tấn Huy	12A15.10	120552	4.8	24	26	6.5	26	14
11	Phan Lê Quốc Khánh	12A15.11	120250	6.2	31	19	6.8	27	13
12	Lê Tuấn Kiệt	12A15.12	120103	8.6	43	7	9.5	38	2
13	Nguyễn Văn Cao Lang	12A15.13	120509	4.6	23	27	6.8	27	13
14	Châu Mỹ Linh	12A15.14	120417	6.0	30	20	8.8	35	5
15	Nguyễn Thị Thùy Linh	12A15.15	120270	6.4	32	18	8.3	33	7
16	Nguyễn Phi Long	12A15.16	120442	7.2	36	14	6.8	27	13
17	Lưu Ngọc Mỹ	12A15.17	120512	4.8	24	26	7.5	30	10
18	Nguyễn Hoài Nam	12A15.18	120370	4.6	23	27	7.0	28	12
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	12A15.19	120371	6.8	34	16	7.3	29	11
20	Đào Thị Thùy Ngân	12A15.20	120182	6.8	34	16	7.3	29	11
21	Nguyễn Thị Bích Ngọc	12A15.21	120581	5.0	25	25	4.8	19	21
22	Phạm Phương Nhi	12A15.22	120466	4.4	22	28	7.5	30	10
23	Lê Nguyễn Uyển Nhi	12A15.23	120275	6.4	32	18	6.5	26	14
24	Nguyễn Thị Kiều Nhung	12A15.24	120058	8.4	42	8	9.5	38	2
25	Nguyễn Hoài Khánh Như	12A15.25	120451	6.8	34	16	6.5	26	13
26	Phạm Nguyễn Thy Phương	12A15.26	120494	6.4	32	18	6.8	27	13
27	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	12A15.27	120299	7.8	39	11	9.3	37	3
28	Nguyễn Tô Quyên	12A15.28	120588				7.8	31	9
29	Phạm Quang Sơn	12A15.29	120427	5.8	29	20	7.3	29	11
30	Nguyễn Kim Thanh	12A15.30	120352	7.4	37	13	7.0	28	12
31	Phan Hồ Thiện	12A15.31	120159	9.0	45	5	8.0	32	8
32	Nguyễn Văn Thoại	12A15.32	120614	4.0	20	30	8.0	32	8
33	Nguyễn Đoàn Ngọc Thu	12A15.33	120429	7.2	36	14	8.3	33	7
34	Huỳnh Mai Thanh Thúy	12A15.34	120087	9.0	45	5	8.5	34	6
35	Võ Ngọc Mai Trâm	12A15.35	120499	8.6	43	7	2.5	10	30
36	Võ Thị Ngọc Trân	12A15.36	120522	6.2	31	19	7.8	31	9
37	Mai Thị Ánh Tuyết	12A15.37	120545	4.4	22	28	7.5	30	10
38	Nguyễn Quốc Việt	12A15.38	120408	6.0	30	20	6.5	26	14
39	Trần Triệu Vy	12A15.39	120478	4.0	20	30	7.5	30	10
40	Đoàn Nguyễn Tường Vy	12A15.40	120357	7.2	36	14	9.3	37	3
41	Nguyễn Thị Kim Yến	12A15.41	120360	7.4	37	13	8.8	35	5
42	Lê Trung Hiếu	12A15.42	120389	6.0	30	20	8.0	32	8